

Biểu số: 001tn.N/BCB-YT

Ban hành kèm theo Thông tư
số _/2020/TT-BNV ngày
//2020

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 20 tháng 4 năm sau
năm báo cáo

**CHIỀU CAO VÀ CÂN NẶNG
TRUNG BÌNH CỦA THANH NIÊN**

Năm

Đơn vị báo cáo:

Bộ Y tế

**Đơn vị nhận báo
cáo:**

Bộ Nội vụ

	Mã số	Chiều cao trung bình của thanh niên (<i>cm</i>)		Cân nặng trung bình của thanh niên (<i>kg</i>)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
A	B	1	2	3	4
Tổng số	01				
1. Chia theo dân tộc					
- Kinh	02				
- Khác	03				
2. Chia theo nhóm tuổi					
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04				
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05				
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06				
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07				
3. Chia theo dân tộc					
Kinh	08				
Khác	09				
4. Chia theo thành thị/nông thôn					
Thành thị	10				
Nông thôn	11				
5. Chia theo tỉnh/thành phố					
(Ghi theo Danh mục hành chính)	12				
	...				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 001tn.N/BCB-YT: Chiều cao và cân nặng trung bình của thanh niên

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Chiều cao trung bình của thanh niên được tính bằng chiều cao trung bình của dân số từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi.
- Cân nặng trung bình của thanh niên được tính bằng cân nặng trung bình của dân số từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi chiều cao trung bình của nam thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 2: Ghi chiều cao trung bình của nữ thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 3: Ghi cân nặng trung bình của nam thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 4: Ghi cân nặng trung bình của nữ thanh niên tương ứng với các dòng ở cột A.

3. Nguồn số liệu

Điều tra nhân trắc của Viện dinh dưỡng.